CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Đ.C.N Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, SERIALNUMBER=MST:0108045631, E=chuumynguyen@gmail.com, Phone=0972845635
Reason: I am your signing Person here
Location: your signing location here
Date: 2026.04.28 10:48:32 +07:00
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Hà Nội, O="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", OU="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0108046831, E=khoamnguyen@gmail.com, Phone=0973949599
Reason: your signing reason here
Location: your signing location here
Date: 2026.04.28 17:40:00 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 – 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	4 – 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 – 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.04.28 17:40:09 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty cổ phần Đầu tư Big Group Holdings (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Đầu tư Big Group Holdings (đổi tên từ Công ty cổ phần Big Invest Group), tiền thân là Công ty cổ phần Thiết bị công nghệ Nam Sơn, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108045831 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2017, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 12/08/2025 về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, địa chỉ công ty, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108045831 thay đổi lần thứ 12 ngày 12/08/2025 là 159.985.300.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BIG GROUP HOLDINGS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu BIG.

Trụ sở chính của Công ty tại số 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Võ Phi Nhật Huy	Chủ tịch	
Ông Kiều Văn Khoa	Thành viên	
Ông Võ Thuận Hòa	Thành viên độc lập	

Ban Điều hành

Bà Trần Thị Mưa Thao	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khang	Phó Tổng Giám đốc	*Bổ nhiệm từ 25/02/2026*

Ban Kiểm soát

Ông Tấn Lộc Louis	Trưởng ban Kiểm soát	
Ông Triệu Hiếu Khánh	Thành viên Ban Kiểm soát	
Ông Võ Tuấn Hải	Thành viên Ban Kiểm soát	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 7.3 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0108045831, E=khuvuongvuquan@gmail.com, Phone=0973845098
Location: your signing location here
Date: 2026-04-28 17:40:00
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/03/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,

M.S.D.N: 0108045831 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Võ Phí Nhật Huy
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, L=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, 1.3.6.1.4.1.49443.3.3=MST:0107455555, UID=MST:0107455555, 1.2.840.113549.1.9.1=nhaxuongnguyen@gmail.com, Phone=+0718455555
Reason: your signing reason
Location: your signing location
Date: 2026.04.28 17:41:30 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**452,781,966,358**	**263,022,041,476**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**176,772,535,038**	**101,230,565,045**
1. Tiền	111		76,772,535,038	101,230,565,045
2. Các khoản tương đương tiền	112		100,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**260,999,656,515**	**148,681,787,703**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	119,008,864,298	51,409,446,259
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	141,976,797,579	97,200,419,986
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	13,994,638	71,921,458
IV. Hàng tồn kho	**140**		**14,716,780,389**	**12,898,421,516**
1. Hàng tồn kho	141	5.6	14,716,780,389	12,898,421,516
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**292,994,416**	**211,267,212**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.5	258,410,267	204,734,281
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		31,584,149	3,532,931
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.13	3,000,000	3,000,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**141,574,658,018**	**141,186,127,719**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**2,246,636,000**	**2,180,000,000**
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.4	2,246,636,000	2,180,000,000
II. Tài sản cố định	**220**		**115,730,729,821**	**117,184,431,819**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	45,693,079,821	47,146,781,819
- *Nguyên giá*	*222*		*50,786,512,045*	*51,606,917,863*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(5,093,432,224)*	*(4,460,136,044)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	70,037,650,000	70,037,650,000
- *Nguyên giá*	*228*		*70,143,191,800*	*70,143,191,800*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(105,541,800)*	*(105,541,800)*
III. Tài sản sinh học dài hạn	**230**		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	**240**	**5.7**	**20,278,237,730**	**20,372,308,613**
- Nguyên giá	241		21,407,088,327	21,407,088,327
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1,128,850,597)	(1,034,779,714)
V. Tài sản dở dang dài hạn	**250**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	**270**		**3,319,054,467**	**1,449,387,287**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.5	3,319,054,467	1,449,387,287
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**594,356,624,376**	**404,208,169,195**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Date: 2026.04.28 11:46:30 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

(Tiếp theo)

	NGUỒN VỐN			31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**372,793,071,610**	**189,597,286,086**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**324,123,832,272**	**140,602,602,086**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	43,602,735,590	10,503,198,561
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2,690,316,360	1,726,064,217
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.13	16,713,241,968	14,834,627,846
4.	Phải trả người lao động	315		731,153,600	579,694,000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.14	609,220,950	536,766,956
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	5.16	-	54,000,000
7.	Phải trả ngắn hạn khác	320	5.15	151,262,046,755	300,709,439
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.17	108,515,117,049	112,067,541,067
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**48,669,239,338**	**48,994,684,000**
1.	Phải trả dài hạn khác	338	5.15	567,000,000	378,000,000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.17	48,102,239,338	48,616,684,000
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**221,563,552,766**	**214,610,883,109**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**221,563,552,766**	**214,610,883,109**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.18	159,895,300,000	159,895,300,000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*159,895,300,000*	*159,895,300,000*
-	*Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn	412		-	-
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		46,485,265,653	39,708,102,047
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*39,708,102,047*	*3,152,108,823*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*6,777,163,606*	*36,555,993,224*
4.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		15,182,987,113	15,007,481,062
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		**440**		**594,356,624,376**	**404,208,169,195**

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Văn Hùng	Lê Văn Hùng	Võ Phi Nhật Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý I		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**6.1**	**140,547,945,246**	**71,900,745,671**	**140,547,945,246**	**71,900,745,671**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**140,547,945,246**	**71,900,745,671**	**140,547,945,246**	**71,900,745,671**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	124,069,200,504	67,985,833,210	124,069,200,504	67,985,833,210
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**16,478,744,742**	**3,914,912,461**	**16,478,744,742**	**3,914,912,461**
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	**21**		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	4,333,691	612,144	4,333,691	612,144
8. Chi phí tài chính	23	6.4	3,611,448,564	1,219,877,518	3,611,448,564	1,219,877,518
- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*3,610,348,564*	1,219,877,518	*3,610,348,564*	*1,219,877,518*
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	1,261,776,059	300,100,749	1,261,776,059	300,100,749
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2,305,006,993	1,235,801,535	2,305,006,993	1,235,801,535
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	27		-	-	-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + (22 – 23) - (25 + 26) + 27}	**30**		**9,304,846,817**	**1,159,744,803**	**9,304,846,817**	**1,159,744,803**
13. Thu nhập khác	31	6.6	854,654,545	-	854,654,545	-
14. Chi phí khác	32	6.6	1,468,664,291	97,920	1,468,664,291	97,920
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(614,009,746)**	**(97,920)**	**(614,009,746)**	**(97,920)**
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**8,690,837,071**	**1,159,646,883**	**8,690,837,071**	**1,159,646,883**
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	1,738,167,414	231,929,377	1,738,167,414	231,929,377
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**6,952,669,657**	**927,717,506**	**6,952,669,657**	**927,717,506**
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		6,777,163,606	927,717,506	6,777,163,606	927,717,506
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		175,506,051	-	175,506,051	-
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	424	62	424	62
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	218	62	218	62

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Văn Hùng	Lê Văn Hùng	Võ Phi Nhật Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, L=Hà Nội, O="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", CN="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0108045831, E=tdcuongnguyen@gmail.com
Reason: your signing reason here
Location: your signing location here
Date: 2026.04.28 15:47:10 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**8,690,837,071**	**1,159,646,883**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		860,004,235	542,743,599
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		583,956,410	(612,144)
- Chi phí đi vay	06		3,610,348,564	1,219,877,518
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**13,745,146,280**	**2,921,655,856**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(112,188,706,030)	(73,513,968,596)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,818,358,873)	22,880,149,037
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		185,295,653,632	(25,601,623,124)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1,923,343,166)	99,755,341
- Chi phí đi vay đã trả	14		(3,604,695,100)	(1,368,933,544)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(670,306)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**79,505,026,437**	**(74,582,965,030)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(745,976,000)	(2,852,709,318)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		845,454,545	-
3 Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	19,400,000,000
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,333,691	612,144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**103,812,236**	**16,547,902,826**
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 Tiền thu từ đi vay	33		26,395,000,000	66,733,783,867
3 Tiền trả nợ gốc vay	34		(30,461,868,680)	(23,470,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(4,066,868,680)**	**43,263,783,867**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	**50**		**75,541,969,993**	**(14,771,278,337)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**101,230,565,045**	**33,196,042,677**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**176,772,535,038**	**18,424,764,340**

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Văn Hùng	Lê Văn Hùng	Võ Phi Nhật Huy

M.S.D.N: 0108045831 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư Big Group Holdings (đổi tên từ Công ty cổ phần Big Invest Group), tiền thân là Công ty cổ phần Thiết bị công nghệ Nam Sơn, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108045831 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2017, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 12 ngày 12/08/2025 về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, địa chỉ công ty, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0108045831 thay đổi lần thứ 12 ngày 12/08/2025 là 159.895.300.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu BIG.

Trụ sở chính của Công ty tại số 62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2026 là 64 người trong đó cán bộ quản lý là 06 người (Tại ngày 31/12/2025, tổng số nhân viên là 53 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Chi tiết: Trừ bán buôn kim loại quý và đá quý; Bán buôn đồ uống; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị khác; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, Chi tiết: Loại trừ định giá, đấu giá bất động sản; Cung ứng và quản lý nguồn lao động, Chi tiết: Trừ hoạt động đưa lao động ra nước ngoài; Quảng cáo, Chi tiết: Trừ quảng cáo thuốc lá; Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa, Chi tiết: Trừ đấu giá và không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền phân phối; Chuẩn bị mặt bằng, Chi tiết: Trừ hoạt động nổ mìn; Lập trình máy vi tính, Chi tiết: Cung cấp thiết bị vi mạch; Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động; Tư vấn máy vi tinh và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, Chi tiết: Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt phần cứng; Dịch vụ phần mềm; Dịch vụ xử lý dữ liệu; Dịch vụ cơ sở dữ liệu; Dịch vụ duy tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng bao gồm cả máy tính; Các dịch vụ máy tính khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan, Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; Xuất bản phần mềm, Chi tiết: Sản xuất phần mềm; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Khảo sát, thiết kế công trình giao thông; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật. Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp, công trình đường bộ, thủy lợi. Thẩm tra thiết kế và dự toán. Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án, lập và đánh giá hồ sơ mời thầu các công trình xây dựng; Xây dựng nhà không để ở; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: Huấn luyện, đào tạo kinh doanh; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, Chi tiết: (trừ máy bay, khinh khí cầu); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết: Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, L=Hà Nam, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=0109534139, E=Bigcorporation@gmail.com
Reason: your signing reason
Location: your signing location
Date: 2026.04.28 17:46:30 +07'07'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản); Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn thực phẩm, Chi tiết: Bán buôn cà phê; Bán buôn tổng hợp, Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất cà phê; Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; Đại lý du lịch; Điều hành tour du lịch; Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình chế biến, chế tạo; Phá dỡ; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Cơ sở lưu trú khác; Sản xuất điện; Trồng cây ăn quả; Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm; Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm; Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; Chăn nuôi gia cầm; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Dịch vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ); Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu...

Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm kinh doanh vật liệu xây dựng, nông sản, tư vấn môi giới, cho thuê bất động sản, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/03/2026, Công ty có Công ty con, đơn vị trực thuộc như sau

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1.Công ty cổ phần môi giới Big Bro	*62/6 Khúc Thừa Dụ, phường Cầu Giấy, Hà Nội*	*Kinh doanh dịch vụ môi giới*	*90%*	*90%*	*90%*
2. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Big CT	*số 35-37 Đường số 4, KDC Trung Sơn, xã Bình Hưng, HCM*	*Kinh doanh VLXD*	*90%*	*90%*	*90%*
3.Công ty cổ phần công nghệ Big Hotel	*số 35-37 Đường số 4, KDC Trung Sơn, xã Bình Hưng, HCM*	*Kinh doanh dịch vụ BĐS và lưu trú*	*60%*	*60%*	*60%*
4.Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Big EXPO	*503+505, đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai*	*Kinh doanh nông sản*	*90%*	*90%*	*90%*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Phường Cầu Giấy, O="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, SN=1.3.6.1.4.1.311.60.2.1.3=VN, SERIALNUMBER=0101615660, E=info@biggroup.vn
Reason: GIÁM ĐỐC
Location: your signing location here
Date: 2026.04.28 16:47:08 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31/03/2026 bao gồm:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	*Số 94 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh*
Chi nhánh tại TP Đà Nẵng (*)	*Số 26 Phan Huy Thực, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng*
Chi nhánh tại Lào Cai	*Số 503 - 505 Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai*
Văn phòng đại diện tại Hà Nội (*)	*Số 68, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội*
Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng	*Số 24 Chính Hữu, phường An Hải, thành phố Đà Nẵng*
Địa điểm kinh doanh Trung Sơn	*Số 35-37 đường số 4, KDC Trung Sơn, Ấp 4, xã Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh*
Địa điểm kinh doanh Vũng Tàu	*147-149 Hoàng Hoa Thám, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh*
Địa điểm kinh doanh Cần Thơ	*31-33 Trần Quang Khải, phường Cái Khế, Cần Thơ*
Địa điểm kinh doanh Công ty	*Số 95, Võ Thị Sáu, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh*

(*): *Chi nhánh Đà Nẵng và Văn phòng đại diện tại Hà Nội đang làm thủ tục đóng mã số thuế nhưng chưa hoàn tất.*

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025 là kỳ kế toán hợp nhất đầu tiên của Công ty, số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ chỉ mang tính chất trình bày, không mang tính chất so sánh.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 của Công ty được lập cho kỳ kế toán 03 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 31/03.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, L=Hà Nội, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, SERIALNUMBER=MST:5108600833, E=...
Reason: your signing reason here
Location: your signing location here
Date: 2026.04.29 ...
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tàiđoạn chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tượng đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0108048351, E=
Reason: your signing reason
Location: your signing location here
2026.04.28 17:45:00 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty sau ngày Công ty đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại hoặc bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, Vật kiến trúc	06 - 25 năm
Phương tiện vận tải	06 - 12 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại số 503 - 505 Hoàng Liên, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai và số 31-53 đường Trần Quang Khải, phường Cái Khế, Cần Thơ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Công ty không thực hiện tính hao mòn đối với tài sản cố định vô hình do quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, Vật kiến trúc	25 năm

Nguyên tắc kế toán Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa văn phòng và hệ thống phòng cháy chữa cháy

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 đến 49 tháng.

Các chi phí chờ phân bổ khác khác

Chi phí chờ phân bổ khác bao gồm chi phí bảo hiểm phân bổ trong thời gian 12 tháng, chi phí sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy phân bổ trong thời gian 36 tháng, phần mềm phân bổ trong thời gian 24 tháng, cước phí internet, chữ ký số... được phân bổ trong thời gian 06 tháng và 24 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận Các khoản vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay hợp nhất cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm chi phí lãi vay, tiền điện nước, chi phí khác... tháng 03/2026 phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu và doanh thu khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, tư vấn môi giới, doanh thu cho thuê bất động sản, doanh thu cho thuê lưu trú ngắn ngày.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, CN=Công ty Cổ phần Đầu tư BIG GROUP HOLDINGS, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107845695
Email: vtthuy.kt@bigholdings.vn
Phone: 0973845695
Reason: your signing reason here
Location: your signing location here
Date: 2026.04.08 17:40:30 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu và doanh thu khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, chiết khấu thanh toán, thu phạt hợp đồng và các khoản thu nhập khác. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Chiết khấu thanh toán, thu phạt hợp đồng và các khoản thu nhập khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp và giá vốn của bất động sản cho thuê trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm là các khoản chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN:CN=Bộ Công Thương, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, C=VN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0108458833, ID=CMND:001078018558
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.04.28 12:49:20 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh thương mại dịch vụ và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam nên báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Date: 2026.04.28 17:46:30 +07:00
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	73,398,744,570	131,483,884
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,373,790,468	101,099,081,161
Các khoản tương đương tiền	100,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	*100,000,000,000*	-
Tổng	**176,772,535,038**	**101,230,565,045**

(*) Hợp đồng tiền gửi với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 4,75%/ năm.

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty TNHH OPMEC	5,996,607,987	5,996,607,987
Công ty TNHH Cơ khí và tự động hoá công nghiệp	-	2,235,077,765
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư TM XNK Minh Đăng	21,509,249,188	3,192,532,188
Công ty TNHH SXTM An Phong CT	13,862,078,200	4,742,211,600
Công ty cổ phần ĐTPT Hàng Hải Bình An Hưng Yên	14,950,079,150	9,869,245,150
Công ty TNHH GP Resource	5,357,443,409	9,657,443,409
Công ty cổ phần XNK TM Danh Phạm	4,709,873,490	4,709,873,490
Công ty cổ phần TMDV Thời Phong	6,346,011,019	-
Công ty cổ phần chứng khoán Eurocapital	3,894,924,000	-
Công ty cổ phần đầu tư XNK An Lộc Phát Đắk Lắk	12,847,408,129	-
Công ty cổ phần đầu tư TM Xuân An	7,130,438,586	-
Các đối tượng khác	22,404,751,140	11,006,454,670
Tổng	**119,008,864,298**	**51,409,446,259**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, O="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", CN="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0106048351, ST=Hà Nội, L=Hà Nội, postalCode=, Phone=0972948588
Reason: your signing reason
Location: your signing location
Date: 2026.04.28 17:49:30 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty cổ phần TMDV TNB	43,438,112,532	21,671,933,332
Công ty TNHH Kinh doanh VLXD Thuận Thiên	11,272,928,954	13,619,274,400
Công ty TNHH Nam Phương Xanh	22,467,110,000	21,917,000,000
Công ty TNHH Tổng hợp đầu tư TMDV Thiên Long	26,171,792,190	21,725,963,190
Công ty TNHH XNK Nông sản An Lộc Phát	-	18,210,999,464
Ông Võ Phi Nhật Huy (*)	30,000,000,000	-
Các đối tượng khác	8,626,853,903	55,249,600
Tổng	**141,976,797,579**	**97,200,419,986**
Trong đó:		
Trả trước cho người bán là các bên có liên quan	**30,000,000,000**	
Chi tiết tại thuyết minh số 7.1		

(*) Căn cứ Nghị quyết số 08/2026/BIG/NQ-HĐQT ngày 27/03/2026 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án bất động sản thương mại tại Thành phố Cần Thơ và Sóc Trăng, Công ty đã ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư và cam kết chuyển nhượng tài sản, bao gồm: Hợp đồng số 01/2026/HTĐT-BIG-CT ngày 28/03/2026 và Hợp đồng số 02/2026/HTĐT-BIG-ST ngày 28/03/2026 với Ông Võ Phi Nhật Huy-Chủ tịch HĐQT Công ty.
Theo các hợp đồng đã ký kết, Công ty đã thực hiện thanh toán trước số tiền 30.000.000.000 đồng cho Ông Võ Phi Nhật Huy nhằm mục đích đặt cọc chốt cố định giá giao dịch tại thời điểm ký hợp đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 043/2026/103-CT-MN và số 043/2026/104-CTMN ngày 05/03/2026 và đảm bảo quyền nhận chuyển nhượng đối với hai bất động sản, cụ thể như sau:
- Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Đường Huỳnh Phan Hộ, Khu vực 5, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ (nay là phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ).
- Thửa đất số 490, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: Khóm 6, phường 6, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ).
Theo thỏa thuận, Công ty sẽ trực tiếp đầu tư xây dựng các công trình thương mại trên các khu đất nêu trên. Sau khi hoàn tất đầu tư, toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sẽ được hoàn tất thủ tục chuyển nhượng sang tên Công ty.
Theo tiến độ cam kết tại hợp đồng, việc chuyển nhượng quyền sở hữu các tài sản nêu trên cho Công ty dự kiến hoàn thành trễ nhất ngày 31/12/2026.

5.4 Các khoản phải thu khác

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	**13,994,638**	**71,921,458**
Tạm ứng	9,902,775	67,829,595
Phải thu ngắn hạn khác	4,091,863	4,091,863
- Đối tượng khác	*4,091,863*	*4,091,863*
Dài hạn	**2,246,636,000**	**2,180,000,000**
Ký quỹ ký cược	2,246,636,000	2,180,000,000
Tổng	**2,260,630,638**	**2,251,921,458**
Trong đó:		
Phải thu khác là các bên có liên quan	**9,902,775**	-
Chi tiết tại thuyết minh số 7.1		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, O="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0109048833, E=bigholdings@gmail.com, Phone=0972949888
Reason: your signing reason
Location: your signing location
Date: 2026.04.28 17:08:37 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.5 Chi phí chờ phân bổ

	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Ngắn hạn	**258,410,267**	**204,734,281**
Công cụ dụng cụ, thiết bị phân bổ	171,693,800	124,905,476
Chi phí bảo hiểm	81,216,467	37,387,004
Các khoản chi phí khác	5,500,000	42,441,801
Dài hạn	**3,319,054,467**	**1,449,387,287**
Công cụ dụng cụ, thiết bị phân bổ	334,041,667	368,916,665
Chi phí sửa chữa văn phòng, khách sạn	2,769,917,471	892,696,685
Chi phí sửa chữa hệ thống PCCC	215,095,329	187,519,162
Các khoản chi phí khác	-	254,775
Tổng	**3,577,464,734**	**1,654,121,568**

5.6 Hàng tồn kho

	31/03/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	14,716,780,389	-	12,898,421,516	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Tổng	**14,716,780,389**	**-**	**12,898,421,516**	**-**

5.7 Tăng giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
a) BẤT ĐỘNG SẢN CHO THUÊ				
NGUYÊN GIÁ	**21,407,088,327**	**-**	**-**	**21,407,088,327**
Nhà và quyền sử dụng đất	21,407,088,327	-	-	21,407,088,327
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	**1,034,779,714**	**94,070,883**	**-**	**1,128,850,597**
Nhà và quyền sử dụng đất	1,034,779,714	94,070,883		1,128,850,597
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	**20,372,308,613**		**94,070,883**	**20,278,237,730**
Nhà và quyền sử dụng đất	20,372,308,613		94,070,883	20,278,237,730

Bất động sản mà Công ty đang cho thuê bao gồm:

Quyền sử dụng và tài sản trên đất của 9 mảnh đất tại ấp Suối Cao A, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê tại ngày 31/03/2026 được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.3 với số tiền lần lượt là 98.181.819 VND và 94.070.883 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản tại ngày 31/03/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của 9 mảnh đất tại ấp Suối Cao A, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của tài sản này tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31/03/2026 là 20.278.237.730 VND (Ngày 01 tháng 01 năm 2026: 20.372.308.613 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: O=MI, SN=LÊ Minh, O=MST:0106458831, L=Hà Nội, C=VN, OU=GIÁM ĐỐC/CEO, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0106458831, E=lemin@biggroup.com
Phone=0973849588
Reason: your signing reason
Location: your signing location
Date: 2026.04.28 17:20:30
HCMC
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2026	**48,555,190,591**	**3,051,727,272**	**51,606,917,863**
Mua trong kỳ		745,976,000	745,976,000
Thanh lý, nhượng bán		(1,566,381,818)	(1,566,381,818)
Tại ngày 31/03/2026	**48,555,190,591**	**2,231,321,454**	**50,786,512,045**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2026	**4,329,604,224**	**130,531,820**	**4,460,136,044**
Khấu hao trong kỳ	703,030,584	62,902,768	765,933,352
Thanh lý, nhượng bán		(132,637,172)	(132,637,172)
Tại ngày 31/03/2026	**5,032,634,808**	**60,797,416**	**5,093,432,224**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2026	44,225,586,367	2,921,195,452	47,146,781,819
Tại ngày 31/03/2026	**43,522,555,783**	**2,170,524,038**	**45,693,079,821**

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31/03/2026 là 45.693.079.821 VND (Ngày 01 tháng 01 năm 2026: 47.146.781.819 VND).

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2026	**70,037,650,000**	**105,541,800**	**70,143,191,800**
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ			-
Tại ngày 31/03/2026	**70,037,650,000**	**105,541,800**	**70,143,191,800**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2026	-	-	**105,541,800**
Tăng trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	-	-	**105,541,800**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2026	70,037,650,000	105,541,800	70,037,650,000
Tại ngày 31/03/2026	**70,037,650,000**	**105,541,800**	**70,037,650,000**

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31/03/2026 là 70.037.650.000 VND (Ngày 01 tháng 01 năm 2026: 70.037.650.000 VND).

Nguyên giá TSCĐ bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/03/2026 là 105.541.800 VND (Ngày 01 tháng 01 năm 2026: 105.541.800 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Date: 2026.04.28 17:46:30 +07:00
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.11 Phải trả người bán

	31/03/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**43,602,735,590**	**43,602,735,590**	**10,503,198,561**	**10,503,198,561**
Công ty cổ phần đúc áp lực IDcast Việt Nam	2,077,254,326	2,077,254,326	798,739,686	798,739,686
Công ty cổ phần xây dựng Kiến trúc SGG	-	-	1,346,698,245	1,346,698,245
Công ty cổ phần M.A.P Global	-	-	441,480,871	441,480,871
Công ty cổ phần ôtô An Thái	125,000,000	125,000,000	1,560,880,000	1,560,880,000
Công ty cổ phần TMDV XD Nhất Thiên	3,124,201,395	3,124,201,395	3,913,970,547	3,913,970,547
Công ty TNHH đầu tư TMDV XNK Minh Quân	7,260,500,000	7,260,500,000	-	-
Công ty TNHH TMDV sản xuất Tuấn Tiến	4,280,778,000	4,280,778,000	-	-
Công ty TNHH nông sản Lên Ngôi	9,444,457,324	9,444,457,324	-	-
Công ty cổ phần thương mại XNK Anh Sang	6,160,420,475	6,160,420,475	-	-
Các đối tượng khác	11,130,124,070	11,130,124,070	2,441,429,212	2,441,429,212
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	**43,602,735,590**	**43,602,735,590**	**10,503,198,561**	**10,503,198,561**

5.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH SX và TM Thép Hải Phúc Thịnh	1,525,552,845	1,525,552,845	719,064,217	719,064,217
Công ty TNHH TM và DV Đại Việt Luxury	-	-	900,000,000	900,000,000
Công ty TNHH Cơ khí và tự động hoá công nghiệp	1,164,763,515	1,164,763,515	-	-
Các đối tượng khác	-	-	107,000,000	107,000,000
Tổng	**2,690,316,360**	**2,690,316,360**	**1,726,064,217**	**1,726,064,217**

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2026 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/03/2026 (VND)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5,261,741,337	1,614,769,184	1,283,505,339	5,593,005,182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9,197,926,991	1,717,314,042	670,306	10,914,570,727
Thuế thu nhập cá nhân	170,959,518	65,419,575	133,379,700	102,999,393
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	204,000,000	102,666,666	204,000,000	102,666,666
Tổng	**14,834,627,846**	**3,500,169,467**	**1,621,555,345**	**16,713,241,968**

b. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Thuế môn bài nộp thừa	3,000,000	3,000,000
Tổng	**3,000,000**	**3,000,000**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, L=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107284508
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.04.09 17:40:30 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	321,600,398	373,702,934
Chi phí điện nước	268,305,002	154,863,990
Chi phí phải trả khác	19,315,550	8,200,032
Tổng	**609,220,950**	**536,766,956**

5.15. Phải trả khác

	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Ngắn hạn	**151,262,046,755**	**300,709,439**
Bảo hiểm xã hội	88,682,693	44,494,278
Bảo hiểm y tế	14,492,812	6,097,500
Bảo hiểm thất nghiệp	6,081,250	2,710,000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	305,900,000	243,600,000
Phải trả, phải nộp khác	150,846,890,000	3,807,661
Phải trả khác (*)	*150,846,890,000*	*3,807,661*
Dài hạn	**567,000,000**	**378,000,000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	567,000,000	378,000,000
Tổng	**151,829,046,755**	**678,709,439**

(*): Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu ra công chúng từ ngày 02/02/2026 đến ngày 19/03/2026 và đã hoàn tất thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh vào ngày 02/04/2026, cụ thể như sau:
- Nghị quyết số 1610A/2025/NQ/BIG-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 16/10/2025 và Nghị quyết số 0212/2025/NQ/BIG-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 02/12/2025 thông qua việc triển khai phương án chào bán 15.084.689 cổ phiếu ra công chúng. Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 561/GCN-UBCK ngày 31/12/2025. Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng số 0901-1/2026/TB-BIG ngày 09/01/2026;
- Công ty thực hiện theo phương án phát hành và đã được thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 05/2026/BIG/NQ-HĐQT ngày 17/03/2026 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2026/BIG/NQ-HĐQT ngày 18/03/2026. Công ty đã lập báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Đầu tư Big Group Holdings (mã chứng khoán: BIG) số 01/2026/BC-BIG ngày 18/03/2026 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt chào bán Cổ phiếu ra công chúng thành công số cổ phiếu là 15.084.689 cổ phiếu. Văn bản số 2166/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/03/2026 về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của BIG, số lượng cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Big Group Holdings chào bán ra công chúng thành công là 15.084.689 cổ phiếu (đạt 100% số lượng cổ phiếu đã chào bán).

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	54,000,000
Tổng	**-**	**54,000,000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay

	31/03/2026 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**104,496,005,053**	**104,496,005,053**	**24,665,000,000**	**28,413,424,014**	**108,244,429,067**	**108,244,429,067**
+ Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	18,803,658,564	18,803,658,564	-	-	18,803,658,564	18,803,658,564
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sài Gòn (ii)	35,000,000,000	35,000,000,000	-	-	35,000,000,000	35,000,000,000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Củ Chi (iii)	16,532,287,704	16,532,287,704	2,550,000,000	2,550,000,000	16,532,287,704	16,532,287,704
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP Hồ Chí Minh (iv)	14,915,000,000	14,915,000,000	14,915,000,000	14,915,000,000	14,915,000,000	14,915,000,000
+ Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Lào Cai (v)	16,245,058,785	16,245,058,785	7,200,000,000	10,948,424,014	19,993,482,799	19,993,482,799
+ Công ty tài chính Tín Việt (vi)	1,000,000,000	1,000,000,000	-	-	1,000,000,000	1,000,000,000
+ Công ty tài chính Điện Lực (vii)	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-	2,000,000,000	2,000,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả	**4,019,111,996**	**4,019,111,996**	**1,264,277,996**	**1,068,278,000**	**3,823,112,000**	**3,823,112,000**
+ Ngân hàng VN Thịnh Vượng - CN TP HCM (i)	1,793,112,000	1,793,112,000	448,278,000	448,278,000	1,793,112,000	1,793,112,000
+ Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng (ii)	-	-	-	150,000,000	150,000,000	150,000,000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai (iii)	1,880,000,000	1,880,000,000	470,000,000	470,000,000	1,880,000,000	1,880,000,000
+ Ngân hàng VN Thịnh Vượng - Hội sở (iv)	255,999,996	255,999,996	255,999,996	-	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai (v)	90,000,000	90,000,000	90,000,000		-	-
Cộng vay ngắn hạn	**108,515,117,049**	**108,515,117,049**	**25,929,277,996**	**29,481,702,014**	**112,067,541,067**	**112,067,541,067**
Vay dài hạn	**48,102,239,338**	**48,102,239,338**	**1,730,000,000**	**2,244,444,662**	**48,616,684,000**	**48,616,684,000**
+ Ngân hàng VN Thịnh Vượng - CN TP HCM (i)	23,160,906,000	23,160,906,000	-	448,278,000	23,609,184,000	23,609,184,000
+ Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng (ii)	-	-	-	937,500,000	937,500,000	937,500,000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai (iii)	23,600,000,000	23,600,000,000	-	470,000,000	24,070,000,000	24,070,000,000
+ Ngân hàng VN Thịnh Vượng - Hội sở (iv)	981,333,338	981,333,338	1,280,000,000	298,666,662	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai (v)	360,000,000	360,000,000	450,000,000	90,000,000	-	-
Tổng	**156,617,356,387**	**156,617,356,387**	**27,659,277,996**	**31,726,146,676**	**160,684,225,067**	**160,684,225,067**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

(i) Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - CN Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng hạn mức số HDTD503202500061 ngày 21/5/2025 , hạn mức vay là 28.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng từ 21/05/2025. Công ty vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của 9 mảnh đất tại ấp Suối Cao A, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh (Chi tiết tại thuyết minh 5.8) và các tài sản của bên thứ ba.

(ii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sài Gòn

Hợp đồng cấp tín dụng số 0114/SGN.KHDN/LD25 ngày 13/5/2025 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0114/SGN.KHDN/LD25-01 ngày 10/06/2025, hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng là 36 tháng từ ngày 13/05/2025; Hạn mức cho vay bao gồm: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0115/SGN.KHDN/LD25 ngày 13/5/2025, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0115/SGN.KHDN/LD25-01 ngày 10/06/2025, Thoả thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 0116/SGN.KHDN/LD25 ngày 13/05/2025, Thoả thuận sửa đổi, bổ sung số 0116/SGN.KHDN/LD25-01 ngày 10/06/2025, Hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 0117/SGN.KHDN/LD25 ngày 13/05/2025, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0117/SGN.KHDN/LD25-01 ngày 10/06/2025. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng. Lãi suất vay được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm: 2.500.000 cổ phiếu BIG của Công ty cổ phần Big Group Holdings được lưu ký trên tài khoản số 094C024305.01 tại Công ty CP chứng khoán Nhất Việt và các tài sản của bên thứ ba.

(iii) Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Củ Chi

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 281932.25.900.37054416.TD ngày 10/04/2025, phụ lục hợp đồng số 281932.25.900.37054416.TD.PL01 ngày 10/04/2025, phụ lục hợp đồng số 281932.25.900.37054416.TD.PL02 ngày 16/04/2025, phụ lục hợp đồng số 281932.25.900.37054416.TD.PL03 ngày 11/09/2025. Hạn mức 30.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng từ 10/04/2025 đến 17/02/2026. Lãi suất vay được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản của bên thứ ba.

(iv) Ngân hàng VN Thịnh Vượng - CN TP Hồ Chí Minh

Khoản vay theo Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-38542/7961974/TTK ngày 24/03/2025; Hợp đồng tín dụng số CLC-14321-01 ngày 13/03/2024 hạn mức tín dụng 3.000.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số CLC-20120-01 ngày 13/06/2024 hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích: Bổ sung vốn cho hoạt động thương mại sắt, thép, kim loại khác. Khoản vay được đảm bảo bằng Tài sản của bên thứ ba.

(v) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Lào Cai

Hợp đồng tín dụng số 8800-LAV202401178/HĐTD ngày 31 tháng 7 năm 2024, hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng, Thời hạn: 12 tháng từ ngày 31/7/2024. Lãi suất 5,5%/năm có điều chỉnh định kỳ 2 tháng/1 lần. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Quyền SD đất: Thửa đất 39 bản đồ số 27 đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, TP Lào Cai, diện tích 216,82m2, Nhà ở trên đất diện tích 121,8m2, diện tích sàn 639m2 theo GCN quyền SD đất quyền sở hữu nhà ở và TS gắn liền với đất số DL 515047 do VP ĐK đất đai tỉnh Lào Cai cấp ngày 11/8/2023 đứng tên Công ty. (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.9 và 5.10).

(vi) Công ty tài chính Tín Việt

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2200006694 ngày 12/11/2025. Hạn mức: 2.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có Tài sản bảo đảm.

(vii) Công ty tài chính Điện Lực

Hợp đồng tín dụng số MSLADWL355121 ngày 04/12/2025 . Hạn mức: 1.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có Tài sản bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

c. Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn

(i) Ngân hàng VN Thịnh Vượng - CN TP Hồ Chí Minh

Hợp đồng vay số CLC-38542-01 ngày 24/03/2025 (HĐ vay dài hạn), Đề nghị giải ngân kiêm KUNN ngày 25/03/2025. Hạn mức: 26.000.000.000 đồng. Thời hạn: 180 tháng từ 25/03/2025. Mục đích vay là mua bất động sản. Lãi suất 11,5% từ 25/03/2025 và được điều chỉnh 12 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 01294321, GCN:VP2334 VP đăng ký đất đai Cần Thơ cấp ngày 14/05/2025. Thửa đất số 406 tờ bản đồ số 59 địa chỉ 31-33 đường Trần Quang Khải. Phường Cái Khế, TP Cần Thơ đứng tên Công ty. (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.9 và 5.10).

(ii) Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng

Hợp đồng cấp tín dụng số SHBVN/SSG/2025-HDTD-070 ngày 25/02/2025 (HĐ vay dài hạn), Đơn rút vốn vay kiêm KUNN ngày 03/03/2025. Hạn mức: 1.200.000.000 đồng. Mục đích vay mua tài sản là ô tô phục vụ hoạt đông kinh doanh. Thời hạn: 96 tháng từ 03/03/2025. Lãi suất 7,9% từ 03/03/2025 và được điều chỉnh 03 tháng 1 lần. Tài sản thế chấp là Xe Vinfast VF9 Plus E6AC01 BKS 51L-619.60 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 50 079280 của Công ty. (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.9 và 5.10).

(iii) Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Lào Cai

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 8800-LAV-20241462 ngày 13/9/2024, hạn mức 28.300.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng từ ngày 13/09/2024. Lãi suất vay 6,5%/năm từ thời điểm 13/09/2024 đến 13/09/2026, từ ngày 14/09/2026 điều chỉnh lãi vay 06 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất 34 bản đồ số 27 đường Hoàng Liên, phường Lào Cai, TP Lào Cai, diện tích 525,5m2 của Công ty (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.9 và 5.10).

(iv) Ngân hàng VN Thịnh Vượng - Hội sở

Hợp đồng vay số 150126-7961974-AUTO-1/HĐ, đề nghị giải ngân kiêm KUNN ngày 15/01/2026. Hạn mức: 1.280.000.000 đồng. Thời hạn: 60 tháng từ 15/01/2026. Mục đích vay mua tài sản là ô tô phục vụ hoạt đông kinh doanh. Lãi suất 7,9%/năm từ 15/01/2026 và được điều chỉnh 12 tháng 1 lần. Tài sản thế chấp là Xe Vinfast VF9 Plus, BKS: 30M-784.22 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số 2900167645 của Công ty. (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.9 và 5.10).

(v) Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Lào Cai

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 8800-LAV-202600342 ngày 03/03/2026, hạn mức 450.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng từ ngày 03/03/2026. Lãi suất vay 10%/năm từ thời điểm 03/03/2026, điều chỉnh lãi vay 06 tháng 1 lần. Mục đích vay mua tài sản là ô tô phục vụ hoạt đông kinh doanh. Tài sản thế chấp là Xe Mazda CX5 của Công ty. (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.9 và 5.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Hà Nội, O="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", CN="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0108045835, E=
Reason: your signing reason
Location: your signing location here
Date: 2026.04.28 17:09:07
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5.18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư đầu năm trước	**150,846,890,000**	**12,200,518,823**	**-**	**163,047,408,823**
Tăng vốn trong năm tại Công ty con			15,000,000,000	15,000,000,000
Lãi trong năm trước		36,555,993,224	7,481,062	36,563,474,286
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	9,048,410,000	(9,048,410,000)	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	**159,895,300,000**	**39,708,102,047**	**15,007,481,062**	**214,610,883,109**
Tăng vốn trong kỳ			-	-
Lãi trong năm		6,777,163,606	175,506,051	6,952,669,657
Chia cổ tức bằng cổ phiếu				-
Số dư cuối kỳ này	**159,895,300,000**	**46,485,265,653**	**15,182,987,113**	**221,563,552,766**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Ông Võ Phi Nhật Huy	62,190,210,000	32,000,560,000
Ông Trần Sinh Vương	-	11,000,000,000
Bà Nguyễn Ngọc Nhi	36,974,140,000	
Các đối tượng khác	60,730,950,000	116,894,740,000
Tổng	**159,895,300,000**	**159,895,300,000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	159,895,300,000	150,846,890,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp tại ngày 31 tháng 03	159,895,300,000	150,846,890,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/03/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**15,989,530**	**15,989,530**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**15,989,530**	**15,989,530**
Cổ phiếu phổ thông	15,989,530	15,989,530
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**15,989,530**	**15,989,530**
Cổ phiếu phổ thông	15,989,530	15,989,530
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Cầu Giấy, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107304500, E=khoanvungtaxes@gmail.com, Phone=0973945500
Reason: your signing reason
Location: your signing location
Date: 2026.04.28 17:40:00 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	123,800,563,318	68,967,786,225
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16,649,200,109	2,870,559,446
Doanh thu kinh doanh bất động sản	98,181,819	62,400,000
Trong đó: Doanh thu từ cho thuê BĐS đầu tư	*98,181,819*	*62,400,000*
Tổng	**140,547,945,246**	**71,900,745,671**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	120,403,826,371	66,077,241,308
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3,571,303,250	1,814,521,019
Giá vốn kinh doanh bất động sản	94,070,883	94,070,883
Trong đó: Giá vốn của BĐS đầu tư cho thuê	*94,070,883*	*94,070,883*
Tổng	**124,069,200,504**	**67,985,833,210**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	4,333,691	612,144
Chiết khấu thanh toán	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	-
Tổng	**4,333,691**	**612,144**

6.4 Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Chi phí lãi vay	3,610,348,564	1,219,877,518
Lỗ thanh lý khoản đầu tư	-	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	-
Khác	1,100,000	-
Tổng	**3,611,448,564**	**1,219,877,518**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, L=Hà Nội, O="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, 1.3.6.1.4.1.311.60.2.1.3=VN, 2.5.4.5=MST:5108045823, EMAIL=ttcbuonnguyen@gmail.com, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5108045823
Reason: I am the author of this document
Location: Please visit your signing location here
Date: 2026.04.28 10:48:20 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6.5 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Chi phí bán hàng	**1,261,776,059**	**300,100,749**
Chi phí nhân viên	1,028,442,564	225,605,000
Chi phí đồ dùng văn phòng	24,103,683	3,316,595
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	120,428,765	63,290,413
Chi phí bằng tiền khác	88,801,047	7,888,741
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**2,305,006,993**	**1,235,801,535**
Chi phí nhân viên	1,329,177,722	795,244,861
Chi phí công cụ quản lý	262,282,414	18,873,361
Chi phí khấu hao TSCĐ	62,902,768	-
Thuế, phí, lệ phí	-	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	498,858,664	-
Chi phí khác bằng tiền	151,785,425	418,683,313
Tổng	**3,566,783,052**	**1,535,902,284**

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Thu nhập khác	**854,654,545**	**-**
Thu nhập từ phạt hợp đồng	9,200,000	-
Thanh lý tài sản cố định	845,454,545	-
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	**1,468,664,291**	**97,920**
Phạt chậm nộp thuế, lãi nộp chậm BHXH	2,294,645	97,920
Phạt vi phạm hợp đồng	32,625,000	-
Thanh lý tài sản cố định	1,433,744,646	-
Thu nhập khác/Chi phí khác (Thuần)	**(614,009,746)**	**(97,920)**

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	286,386,097	22,189,956
Chi phí nhân công	2,357,620,286	1,020,849,861
Chi phí khấu hao TSCĐ	860,004,235	529,690,417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,426,150,773	1,442,191,898
Chi phí khác bằng tiền	301,995,794	429,572,054
Tổng	**7,232,157,185**	**3,444,494,186**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6.8 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1,738,167,414	231,929,377
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế của kỳ này	-	-
Tổng cộng	**1,738,167,414**	**231,929,377**

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**6,952,669,657**	**927,717,506**
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ	**6,777,163,606**	**927,717,506**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	15,989,530	15,084,689
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**424**	**62**

6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6,952,669,657	927,717,506
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	6,777,163,606	927,717,506
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	15,989,530	15,084,689
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (*)	15,084,689	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**218**	**62**

Ngày 27/04/2025, Công ty đã có Nghị quyết số 01/2025/BIG/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng với số vốn dự kiến phát hành tăng là 150.846.890.000 đồng.

(*) *Đợt tăng vốn đã hoàn tất và được Ủy Ban Chứng khoán thông báo về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của BIG theo văn bản số 2166/UBCK-QLCB ngày 19/03/2026. Công ty đã hoàn tất thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh vào ngày 02/04/2026.*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, L=Hà Nội, O="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", CN="CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS", OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=0107318040, E=
Reason: your signing reason
Location: your signing location
Date: 2026.04.28 17:49:30
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các thành viên mật thiết trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

b. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 (VND)	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 (VND)
Tiền lương và phụ cấp	574,596,111	514,038,761
Tổng cộng	**574,596,111**	**514,038,761**

Họ và tên	Chức danh	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 (VND)	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 (VND)
Hội đồng quản trị		**255,983,333**	**197,214,999**
Ông Võ Phi Nhật Huy	Chủ tịch HĐQT	112,816,668	97,215,000
Ông Kiều Văn Khoa	TV HĐQT	93,166,665	99,999,999
Ông Võ Thuận Hòa	TV HĐQT độc lập	50,000,000	-
Ban Kiểm soát		**147,205,000**	**131,673,331**
Ông Tấn Lộc Louis	Trưởng BKS	83,333,333	66,666,666
Ông Triệu Hiếu Khánh	TV BKS	16,666,667	16,666,665
Bà Trịnh Thị Thanh Phương	TV BKS *(Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2025)*	-	48,340,000
Ông Võ Tuấn Hải	TV BKS	47,205,000	-
Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác		**171,407,778**	**185,150,431**
Bà Trần Thị Mưa Thao	Tổng giám đốc	63,360,000	91,596,831
Bà Nguyễn Thị Hảo	Phó TGĐ *(Miễn nhiệm từ ngày 01/10/2025)*	-	48,553,600
Ông Nguyễn Minh Khang	Phó TGĐ *(Bổ nhiệm từ ngày 25/02/2026)*	60,527,778	-
Ông Lê Văn Hùng	Kế toán trưởng	47,520,000	45,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107...
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-04-29 17:40:30 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

7 THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 (VND)	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 (VND)
Tạm ứng				
Ông Võ Phi Nhật Huy	CT. HĐQT	Tạm ứng	17,359,822	200,000,000
		Hoàn ứng	57,047,262	20,000,000
Bà Trần Thị Mưa Thao	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	200,000,000	200,000,000
		Hoàn ứng	200,000,000	106,190,000
Bà Nguyễn Thị Hảo	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	100,000,000
		Hoàn ứng	-	-
Bà Trịnh Thị Thanh Phương	Thành viên BKS	Tạm ứng	-	93,403,000
		Hoàn ứng	-	22,000,000
Ông Lê Văn Hùng	Kế toán trưởng	Tạm ứng	-	100,000,000
Ông Võ Tuấn Hải	Thành viên BKS	Tạm ứng	5,000,000	-
		Hoàn ứng	23,239,380	-

d. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026 (VND)	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 (VND)
Phải thu khác			**9,902,775**	-
Ông Võ Phi Nhật Huy	CT. HĐQT	Tạm ứng	6,142,155	-
Ông Võ Tuấn Hải	Thành viên BKS	Tạm ứng	3,760,620	-
Trả trước cho người bán			**30,000,000,000**	-
Ông Võ Phi Nhật Huy	CT. HĐQT	Mua quyền sử dụng đất	30,000,000,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0108408833, E=khoacnpqatanh@gmail.com, Phone=0373405595
Reason: your signing reason
Location: your signing location
Date: 2026.04.28 17:41:30 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

7 THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.2 Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận chính yếu

Kết quả kinh doanh bộ phận hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2026

Chỉ tiêu	Thương mại	Dịch vụ và cho thuê BĐS	Tổng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	123,800,563,318	16,747,381,928	140,547,945,246
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	**123,800,563,318**	**16,747,381,928**	**140,547,945,246**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	120,403,826,371	3,665,374,133	124,069,200,504
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ bộ phận	**3,396,736,947**	**13,082,007,795**	**16,478,744,742**
Chi phí bán hàng của bộ phận			1,261,776,059
Chi phí QLDN của bộ phận			2,305,006,993
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			**12,911,961,690**
Thu nhập từ HĐTC			(3,607,114,873)
Lợi nhuận khác			(614,009,746)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			**8,690,837,071**
Chi phí thuế TNDN hiện hành			1,738,167,414
Lợi nhuận trong năm			**6,952,669,657**

Kết quả kinh doanh bộ phận hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025

Chỉ tiêu	Thương mại	Dịch vụ và cho thuê BĐS	Tổng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	68,967,786,225	2,932,959,446	71,900,745,671
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	**68,967,786,225**	**2,932,959,446**	**71,900,745,671**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	66,077,241,308	1,908,591,902	67,985,833,210
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ bộ phận	**2,890,544,917**	**1,024,367,544**	**3,914,912,461**
Chi phí bán hàng của bộ phận			300,100,749
Chi phí QLDN của bộ phận			1,235,801,535
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			**2,379,010,177**
Thu nhập từ HĐTC			(1,219,265,374)
Lợi nhuận khác			(97,920)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			**1,159,646,883**
Chi phí thuế TNDN hiện hành			231,929,377
Lợi nhuận trong năm			**927,717,506**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Date: 2026.04.29 ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

7 THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận chính yếu (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/03/2026

Chỉ tiêu	*Thương mại*	*Dịch vụ và cho thuê BĐS*	*Tổng*
Tài sản			
Hàng tồn kho	*14,716,780,389*	*-*	*14,716,780,389*
Các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán	*214,703,741,526*	*46,281,920,351*	*260,985,661,877*
Tài sản cố định và BĐS đầu tư	*-*	*136,008,967,551*	*136,008,967,551*
Phải thu dài hạn khác	*-*	*2,246,636,000.00*	*2,246,636,000*
Tài sản không thể phân bổ			*180,398,578,559*
Tổng tài sản	**229,420,521,915**	**184,537,523,902**	**594,356,624,376**

Chỉ tiêu	*Thương mại*	*Dịch vụ và cho thuê BĐS*	*Tổng*
Nợ phải trả			
Các khoản phải trả nhà cung cấp và người mua trả tiền trước	*44,686,036,782*	*1,607,015,168*	*46,293,051,950*
Phải trả tiền vay	*104,496,005,053*	*52,121,351,334*	*156,617,356,387*
Nợ phải trả không phân bổ			*169,882,663,273*
Tổng nợ phải trả	**149,182,041,835**	**53,728,366,502**	**372,793,071,610**

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/03/2025

Chỉ tiêu	*Thương mại*	*Dịch vụ và kinh doanh BĐS*	*Tổng cộng*
Tài sản			
Hàng tồn kho	*14,707,200,223*	*-*	*14,707,200,223*
Các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán	*172,025,794,248*	*47,867,258,980*	*219,893,053,228*
Tài sản cố định và BĐS đầu tư	*-*	*98,518,047,419*	*98,518,047,419*
Phải thu dài hạn khác	*-*	*640,000,000*	*640,000,000*
Tài sản không thể phân bổ			*43,943,972,338*
Tổng tài sản			**377,702,273,208**

Chỉ tiêu	*Thương mại*	*Dịch vụ và kinh doanh BĐS*	*Tổng cộng*
Nợ phải trả			
Các khoản phải trả nhà cung cấp và người mua trả tiền trước	*101,807,066,094*	*2,527,473,285*	*104,334,539,379*
Phải trả tiền vay	*53,369,783,867*	*53,150,000,000*	*106,519,783,867*
Nợ phải trả không phân bổ			*2,872,823,633*
Tổng nợ phải trả			**213,727,146,879**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BIG GROUP HOLDINGS, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107...
Reason: your signing reason
Location: your signing location
Date: 2026.04.28 17:40:30 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

7 THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty triển khai việc tăng vốn điều lệ thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng, với số vốn dự kiến phát hành tăng là 150.846.890.000 đồng, được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông theo Nghị quyết số 01/2025/BIG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2025. Mục đích của đợt tăng vốn là trả nợ cho các tổ chức tín dụng. Đợt tăng vốn đã hoàn tất và được Ủy Ban Chứng khoán thông báo về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của BIG theo văn bản số 2166/UBCK-QLCB ngày 19/03/2026. Công ty đã hoàn tất thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh vào ngày 02/04/2026.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

7.4 Thông tin so sánh

Kỳ kế toán từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025 là kỳ kế toán hợp nhất đầu tiên của Công ty, số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ chỉ mang tính chất trình bày, không mang tính chất so sánh.

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Lê Văn Hùng	Lê Văn Hùng	Võ Phi Nhật Huy